

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 14/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Nguyễn Thị Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 và ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2020/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2020/QĐST – DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định tạm dừng phiên tòa số 217/2020/QĐST-DS ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Lê Tuấn K; Địa chỉ: 920-920A-920B Đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020.

2. Bị đơn: 1/Ông Nguyễn Tuấn A

2/Bà Trần Thị Mai T

Địa chỉ: 10.22 Lô E chung cư D1, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Lê Tuấn K trình bày:

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh C cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số: LD1910700050 ngày 17/04/2019

Số tiền vay: 22.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản

Lãi suất: trong hạn: 13,5%/năm ; quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Thời hạn vay: 300 tháng (đến ngày 17/04/2044)

Phương thức trả nợ: trả góp vốn lãi hàng tháng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Tài sản đảm bảo:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành 701273913119, số hồ sơ gốc số 3982/2002 do UBND Quận Tân Bình TP.HCM cấp ngày 22/10/2002, cập nhật thay đổi ngày 28/08/2013, ngày 14/08/2015, ngày 17/9/2018 và ngày 16/04/2019, cấp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T và đã được ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2019/HĐTC-CNCL được Phòng Công chứng số 7 TPHCM chứng nhận số 07883 ngày 17/04/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM – Chi nhánh quận P ngày 17/04/2019, số thứ tự 8203 và Giấy cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng tài sản ngày 17/04/2019.

Hiện tại không có ai cư trú trên tài sản thế chấp tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM.

Tính đến ngày 24/12/2020, ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc : 21.633.330.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 222.260.240 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 5.220.893.031 đồng

Tổng cộng : 27.076.483.271 đồng

2/ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 394 ngày 18/09/2018 (ông Nguyễn Tuấn A đứng tên)

Ngày 30/08/2018 ông Nguyễn Tuấn A có ký với Ngân hàng TMCP S – CN C (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Tuấn A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ Visa Credit Infinite, số thẻ 466243-0137 với hạn mức sử dụng là 600.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn áp dụng: 2,4%/tháng và Lãi suất quá hạn: 3,6%/tháng (được tính bằng 150% x Lãi suất trong hạn).

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành 701273913119, số hồ sơ gốc số 3982/2002 do UBND Quận Tân Bình TP.HCM cấp ngày 22/10/2002, cập nhật thay đổi ngày 28/08/2013, ngày 14/08/2015,

ngày 17/9/2018 và ngày 16/04/2019, cấp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2019/HĐTC-CNCL được Phòng Công chứng số 7 TPHCM chứng nhận số 07883 ngày 17/04/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM – Chi nhánh quận Tân Phú ngày 17/04/2019, số thứ tự 8203 và Giấy cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng tài sản ngày 17/04/2019.

Đến nay qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Tuấn A vẫn chưa trả nợ. Do ông Nguyễn Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24.1 và 24.3 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/12/2020, thẻ tín dụng của ông Nguyễn Tuấn A còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 996.637.833 đồng trong đó:

+ Nợ gốc : 711.477.651 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 285.160.182 đồng

Tổng cộng : 996.637.833 đồng

3/ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 108 ngày 15/05/2018 (bà Trần Thị Mai T đứng tên)

Ngày 14/05/2018 bà Trần Thị Mai T có ký với Ngân hàng TMCP S – CN C (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Mai T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng loại thẻ Visa Ladies First, số thẻ 486265-1186 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn áp dụng: 2,6%/tháng và Lãi suất quá hạn: 3,9%/tháng (được tính bằng 150% x Lãi suất trong hạn).

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành 701273913119, số hồ sơ gốc số 3982/2002 do UBND Quận Tân Bình TP.HCM cấp ngày 22/10/2002, cập nhật thay đổi ngày 28/08/2013, ngày 14/08/2015, ngày 17/9/2018 và ngày 16/04/2019, cấp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2019/HĐTC-CNCL được Phòng Công chứng số 7 TPHCM chứng nhận số 07883 ngày 17/04/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM – Chi nhánh quận Tân Phú ngày 17/04/2019, số thứ tự 8203 và Giấy cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng tài sản ngày 17/04/2019.

Do bà Trần Thị Mai T vi phạm Điều 24.3 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/12/2020, thẻ tín dụng của bà Trần Thị Mai T còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 65.509.074 đồng trong đó:

+ Nợ gốc : 52.808.639 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 12.700.435 đồng

Tổng cộng : 65.509.074 đồng.

Tạm tính đến ngày 24/12/2020, ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền:

Đơn vị tính: đồng

TT	Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng số tiền phải trả
	LD1910700050	21.633.330.000	222.260.240	5.220.893.031	27.076.483.271
	Thẻ tín dụng của ông Nguyễn Tuấn A	711.477.651		285.160.182	996.637.833
	Thẻ tín dụng của bà Trần Thị Mai T	52.808.639		12.700.435	65.509.074
	Tổng cộng	22.397.616.290	222.260.240	5.518.753.648	28.138.630.178

Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T đến Tòa án nhân dân Quận 8, TPHCM. Kính đề nghị Tòa tuyên:

Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên. Buộc ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T có nghĩa vụ hoàn trả ngay toàn bộ số tiền chưa thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên tạm tính đến ngày 24/12/2020 là 28.138.630.178 đồng và lãi được tiếp tục tính trên mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập họp lệ ông Tuấn A và bà Mai T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Tuấn A và bà Mai T không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quá trình tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35

và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Xét bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa họp lệ lần thứ hai và đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà ông Tuấn A và bà Mai T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kết quả xác minh của Công an phường H quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định tại địa chỉ nhà số 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM thường xuyên khóa cửa ngoài, không có người ở và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2020 cũng ghi nhận hiện trạng nhà khóa cửa đã lâu và thực tế không thấy ai cư trú trong căn nhà trên. Do đó Tòa án không xác định được người tham gia tố tụng nào khác có quyền, nghĩa vụ liên quan đối với tài sản thế chấp.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: LD1910700050 ngày 17/04/2019; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 394 ngày 18/09/2018 do ông Nguyễn Tuấn A đứng tên và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 108 ngày 15/05/2018 do bà Trần Thị Mai T đứng tên do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay là ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ vốn và lãi. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 24/12/2020 là 28.138.630.178 đồng. Trong đó: Tiền nợ vốn gốc là 22.397.616.290 đồng; nợ lãi trong hạn là 222.260.240 đồng; lãi quá hạn là 5.518.753.648 đồng và tiền nợ lãi phát sinh trên vốn gốc kể từ ngày 25/12/2020 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ vốn gốc theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2019/HĐTC-CNCL được Phòng Công chứng số 7 TPHCM chứng nhận số 07883 ngày 17/04/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM – Chi nhánh quận Tân Phú ngày 17/04/2019, số thứ tự 8203 và Giấy cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng tài sản ngày 17/04/2019 thì khoản tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn được bảo đảm bởi tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 189 Đường B, Phường H, Quận P, TPHCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành 701273913119, số hồ sơ gốc số 3982/2002 do UBND Quận Tân Bình TP.HCM cấp ngày 22/10/2002, cập nhật thay đổi ngày 28/08/2013, ngày 14/08/2015, ngày 17/9/2018 và ngày 16/04/2019, cấp cho ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T được thực hiện đúng theo quy định pháp luật cho nên, nếu bị đơn không trả nợ dứt điểm cho nguyên đơn số tiền trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài

sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu việc phát mãi chưa đủ để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 301, Điều 303, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải chịu trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng; Ngân hàng không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.4] Xét về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn tự nguyên chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 141, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 301, Điều 303, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322 và Điều 323; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng tín dụng số: LD1910700050 ngày 17/04/2019; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 394 ngày 18/09/2018 do ông Nguyễn Tuấn A đứng tên và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 108 ngày 15/05/2018 do bà Trần Thị Mai T đứng tên.

Buộc ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/12/2020 là **28.138.630.178 đồng (Hai mươi tám tỷ một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi ngàn một trăm bảy mươi tám đồng)**. Trong đó,

- Nợ gốc là: 22.397.616.290 đồng
- Lãi trong hạn là: 222.260.240 đồng
- Lãi quá hạn là: 5.518.753.648 đồng

Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải chịu lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 25/12/2020 đến ngày trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: LD1910700050 ngày 17/04/2019; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 394 ngày 18/09/2018 do ông Nguyễn Tuấn A đứng tên và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 108 ngày 15/05/2018 do bà Trần Thị Mai T đứng tên.

Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T không trả dứt điểm toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2019/HĐTC-CNCL được Phòng Công chứng số 7 TPHCM chứng nhận số 07883 ngày 17/04/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM – Chi nhánh quận Tân Phú ngày 17/04/2019, số thứ tự 8203 và Giấy cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng tài sản ngày 17/04/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án. Nếu việc phát mãi chưa đủ để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Mai T phải chịu là 136.138.630 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.557.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043629 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã